TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HS-PT
Ngày: 20- 6 -2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phùng Thị Ương.

Các Thẩm phán: Ông Mã Văn Quân

Ông Nông Hà Nam.

Thư ký phiên tòa: bà Hoàng Thị Hoài Anh - Thư ký Tòa án nhân tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 06 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng, tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 24/2019/TLPT-HS ngày 29/5/2019 đối với bị cáo Triệu Quang Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 40/2019/HS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Bị cáo: **Triệu Quang Đ**- Sinh ngày: 09/02/1958 tại huyện Q, Cao Bằng.

ĐKHKTT và nơi cư trú: Tổ 02, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí; Chức vụ đảng, chính quyền, đoàn thể: Đảng viên (Có Quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng số 67- QĐ/UBKTTU ngày 05/4/2019 của Ủy ban kiểm tra Thành ủy C); Trình độ học vấn: 12/12 phổ thông; Con ông: Triệu Văn L1 (đã chết); Con bà: Lã Thị T (đã chết). Vợ là: Nông Thị B - sinh năm 1975. Có 02 con lớn sinh năm 1982, con nhỏ sinh năm 2015. Tiền án,Tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang được tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Đình -Thuộc văn phòng luật sư Nguyễn Đình - Đoàn luật sư tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua các mối quan hệ, bà Hoàng Thị S (hộ khẩu thường trú: Xóm V, xã T1, huyện B, tỉnh Cao Bằng) được biết Triệu Quang Đ (hộ khẩu thường trú: tổ 02, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) có khả năng xin việc, bà S đang có ý định nhờ xin việc cho con nên đã chủ động liên lạc làm quen với Triệu Quang Đ. Sau khi quen được Triệu Quang Đ, thì Đ cho biết Đ có thể xin vào làm việc trong ngành quân đội, nhưng sau đó bà S không có nhu cầu xin việc cho con nữa nên không nhờ Đ. Từ đó, Triệu Quang Đ vẫn thỉnh thoảng liên lạc với bà S để hỏi xem ai có nhu cầu xin việc thì giới thiệu cho Đ.

Cuối năm 2016 bà S biết bà Thạch Thị L (hộ khẩu thường trú: tổ 22, phường G, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) và bà Nông Bích S1 (hộ khẩu thường trú: tổ 02, phường G2, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) có con đi học đại học về, nhưng chưa xin được việc làm, nên bà S đã giới thiệu cho bà L và bà S1 tìm Triệu Quang Đ để hỏi xin việc cho con. Đến khoảng tháng 12/2016, bà S đã cùng bà L và bà S1 đến gặp mặt Triệu Quang Đ. Tại nhà, Triệu Quang Đ nói là quen biết các mối quan hệ có thể xin việc cho con của bà L và bà S1 vào làm việc tại cơ quan quân đội với số tiền thỏa thuận mỗi suất là 180.000.000,đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) với số tiền đặt cọc là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Vào ngày 12/12/2016 cả hai bà Thạch Thị L và Nông Bích S1 đến nhà Triệu Quang Đ giao cho Đ số tiền mặt là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) và hai bộ hồ sơ xin việc để đặt cọc xin cho cháu Nguyễn Thị Bích Ng (là con của bà Thạch Thị L) và cháu Nông Bích H3 (là con của bà Nông Bích S1) vào làm việc tại cơ quan quân đội. Sau khi nhận tiền, Triệu Quang Đ có tự tay viết giấy xin việc cho bà S1 và bà L với nội dung là nhận tiền xin việc. Do thời gian đã lâu mà con bà S1 và bà L chưa được đi làm và cũng chưa được trả lại số tiền đã đặt cọc, nên bà S1 và bà L đã nhiều lần tìm Đ đòi lại tiền. Đến ngày 16/8/2017 Triệu Quang Đ đã trả cho bà S1số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và bà S1 đưa cho bà L số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Số tiền còn lại Đ không trả cho bà L và bà S1 là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Bà Thạch Thị L và Nông Bích S1 đã viết đơn trình báo đến Công an thành phố C, tỉnh Cao Bằng yêu cầu cơ quan Công an giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra, Triệu Quang Đ đã khai nhận hành vi nhận tiền xin việc với bà Thạch Thị L và bà Nông Bích S1 với tổng số tiền là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) và hai bộ hồ sơ xin việc. Số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) và hai bộ hồ sơ xin việc Đ khai nhận đã đưa cho Nông Thị X (hộ khẩu thường trú: Tổ 12, phường X, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) để X xin việc, nhưng hai bên không làm giấy tờ thể hiện nội dung xin việc và không có ai chứng kiến.

Tại cơ quan điều tra X khai không được nhận tiền và hồ sơ xin việc từ Đ để xin việc. X cũng không quen biết bà S1 và bà L. Quá trình quen biết Đ từ năm 2016 đến nay X có vay tiền với Đ để làm ăn buôn bán.

Hành vi của Triệu Quang Đ đã bị cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố C lập hồ sơ truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại bản Cáo trạng số: 28 /CT-VKSTP ngày 02/4/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng đã truy tố Triệu Quang Đ về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 40/2019/HS-ST ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng đã tuyên bố bị cáo Triệu Quang Đ phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Triệu Quang Đ - 24 (Hai mươi tư) tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại thụ hình án.

Ngoài ra bản án hình sự sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo của bị cáo, các bị hại theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, bị cáo Triệu Quang Đ đã kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng để xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Triệu Quang Đ thay đổi nội dung kháng cáo, xin được hưởng án treo, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và cho rằng bản án hình sự sơ thẩm đã xét xử bị cáo đúng người đúng tội, tuy nhiên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh khó khăn của bị cáo: Bị cáo đã có tuổi, thường xuyên ốm đau bệnh tật, có 01 con còn quá nhỏ; Bị cáo đã ăn năn hối cải, hứa sẽ không vi phạm nữa, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo có cơ hội nuôi dạy con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của bị cáo nộp cho Tòa án trong thời hạn kháng cáo, nên kháng cáo của bị cáo là hợp lệ. Tại phiên tòa bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Do vậy, cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo là chưa chính xác. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Không có tình tiết

tăng nặng. Tuy nhiên, do tính chất nghiêm trọng của vụ án, Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa Nguyễn Đình trình bày luận cứ bào chữa: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bản án sơ thẩm kết tội bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường toàn bộ thiệt hại khắc phục hậu quả; Các bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Như vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về hoàn cảnh của bị cáo, hiện nay bị cáo đã có tuổi, thường xuyên ốm đau, bệnh tật, con còn quá nhỏ. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thật sự ăn năn hối cải, cam đoan không vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Triệu Quang Đ đồng ý với quan điểm của người bào chữa.

Đại diện viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm, không tranh luận với ý kiến của người bào chữa.

Khi được nói lời sau cùng: Bị cáo cảm thấy ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhân định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Triệu Quang Đ có kháng cáo; xét đơn kháng cáo của các bị cáo viết trong hạn luật định và thực hiện đúng theo quy định của bộ luật Tố tụng hình sự.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập hợp lệ trong quá trình điều tra vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Triệu Quang Đ là một cán bộ về nghỉ hưu, bị cáo biết rõ quy trình xin việc vào các cơ quan nhà nước. Bị cáo không có chức vụ quyền hạn gì để bổ nhiệm hoặc xin việc cho người khác vào ngành quân đội và các cơ quan nhà nước khác. Nhưng bị cáo đã dùng những thủ đoạn gian dối, đưa ra những thông tin không đúng sự thật, nói dối mọi người là bản thân có nhiều mối quan hệ rộng, có khả năng xin được việc làm, nhưng phải mất chi phí. Bằng những thủ đoạn gian dối đó, đã làm cho các bị hại tin tưởng, giao tài sản (tiền) cho bị cáo. Cụ thể: Bị cáo đưa ra thông tin gian dối là xin được việc cho con của bà Thạch Thị L và con của bà Nông Bích S1 vào làm việc tại cơ quan quân đội, với số tiền thỏa thuận

mỗi suất là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng). Ngày 12/12/2016 bị cáo đã nhận tiền đặt cọc với bà L và bà S1, mỗi bà 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), tổng cộng là 80.000.000,đ (Tám mươi triệu đồng).

Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo 02 (Hai) năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo thấy rằng: Trong vụ án này, ngày 12/12/2016 bị cáo nhận hai bộ hồ sơ xin việc và nhận tiền đặt cọc với bà L, bà S1 số tiền là 80.000.000,đ (Tám mươi triệu). Do thời gian quá lâu không thấy con được đi làm, bà L, bà S1 đã nhiều lần tìm gặp bị cáo Đ để đòi lại tiền. Đến ngày 16/8/2017 bị cáo Đ đã trả cho bà S1số tiền là 20.000.000,đ (Hai mươi triệu). Số tiền còn lại 60.000.000,đ (Sáu mươi triệu), bị cáo không trả, nên bà L, bà S1 đã viết đơn trình báo đến công an thành phố C. Trong quá trình điều tra, ngày 09/11/2018 bị cáo Triệu Quang Đ đã chủ động giao nộp số tiền 60.000.000,đ (Sáu mươi triệu) tại cơ quan công an để trả lại cho bà L và bà S1.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Triệu Quang Đ khai báo quanh co, không thành khẩn; Các bị hại là bà Thạch Thị L và bà Nông Bích S1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt, các bị hại cho rằng đã nhận đủ số tiền do bị cáo bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Cấp sơ thẩm cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS là có căn cứ. Đối với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: "Phạm tội 02 lần trở lên" được hiểu là "trước lần phạm tội này, người phạm tội đã thực hiện tội phạm ít nhất một lần trước đó và chưa bị xét xử. Hành vi phạm tội lần này là sự lặp lại tội mà người đó đã phạm trước đó, nên thể hiện mức độ nguy hiểm cao hơn trường hợp bình thường. Mức độ tăng nặng của tình tiết này tùy thuộc vào số lần phạm tội trước đó cũng như tính chất mức độ nghiêm trọng của tội phạm mà người đó đã thực hiện trong từng lần...". Việc bà Thạch Thị L và bà Nông Bích S1 cùng đến nhà bị cáo Triệu Quang Đ đặt vấn đề xin việc và giao số tiền mặt cho bị cáo chỉ là một lần. Trước thời điểm nhận tiền của bà Lvà bà S1 để xin việc, bị cáo chưa thực hiện hành vi phạm tội nào khác. Cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng này đối với bị cáo là chưa chính xác. Xét thấy quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi pham tội, do vậy cần cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Như vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng; Bị cáo có nhân thân tốt; có nơi cư trú rõ ràng; có khả năng tự cải tạo; Bản thân bị cáo đã có tuổi, hiện nay đang nuôi con nhỏ (sinh năm 2015). Quá trình chung sống ở địa

phương luôn chấp hành tốt mọi chính sách của địa phương, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo tỏ rõ quyết tâm cải tạo tốt tại nơi cư trú, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo, không ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm ở địa phương. Do vậy, kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo và quan điểm của luật sư bào chữa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên cần chấp nhận.

Không chấp nhận quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Triệu Quang Đ sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 40/2019/HS-ST ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Triệu Quang Đ 24 (Hai mươi tư) tháng tù về tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 20- 6 -2019.

Giao bị cáo Triệu Quang Đ cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Triệu Quang Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh CB;
- Sở tư pháp tỉnh CB;
- TAND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C.;
- VKSND thành phố C.
- Công an thành phố C;
- Ủy ban kiểm tra Thành ủy C;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Thị Ương